

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 3 0 1 4/QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Bộ Công Thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Bộ Công Thương: *phụ lục chi tiết kèm theo*

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị hành chính, sự nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

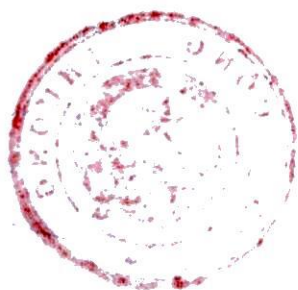
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- KBNN;
- Cổng thông tin điện tử của BCT;
- Lưu: VT, KHTC. *e*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng
Phan Thị Thắng



THUYẾT MINH
NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 014/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công Thương)

Bộ Công Thương thuyết minh căn cứ, nguyên tắc phân bổ dự toán NSNN năm 2023 như sau:

I. Căn cứ phân bổ dự toán:

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;
- Quyết định số 2663/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;
- Quyết định số 979/QĐ-BNV ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2022-2026;
- Quyết định số 321/QĐ-BCT ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tạm giao biên chế công chức năm 2023 đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Công Thương;
- Quyết định số 2172/QĐ-BCT ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao phương tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương;
- Quyết định số 327/QĐ-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương năm 2023.

- Các tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành,

II. Nguyên tắc phân bổ:

1. Về dự toán thu:

Phân bổ cho 07 đơn vị được giao thu phí, lệ phí: Văn phòng Bộ Công Thương; Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng; Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp; Cục Điều tiết điện lực; Cục Công nghiệp; Cục Hóa Chất; Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

2. Về dự toán chi:

2.1. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề

(i) Kinh phí tự chủ:

Tại thời điểm phân bổ dự toán, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị sự nghiệp lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi phê duyệt. Thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư số 78/2022/TT-BTC, Bộ Công Thương tạm phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ cho các trường thuộc Bộ giảm từ 2,5% đến 3% so với mức kinh phí được giao năm 2022. Sau khi phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 được Bộ Công Thương phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

(ii) Kinh phí không tự chủ

Phân bổ cho các nhiệm vụ đã được ghi chú tại Quyết định của Bộ Tài chính:

- Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ giáo dục cho người học: miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);
- Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số (Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg);
- Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp (Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg);
- Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (Nghị định 57/2017/NĐ-CP);
- Đào tạo lưu học sinh nước ngoài diện Hiệp định (lưu học sinh Mô-dăm-bích)
- Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề theo thẻ theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

(i) Kinh phí tự chủ:

Tại thời điểm phân bổ dự toán, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị sự nghiệp lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi phê duyệt. Thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư số 78/2022/TT-BTC, Bộ Công Thương tạm phân bổ và giao dự toán chi thường

xuyên không giao tự chủ cho các Viện thuộc Bộ giảm từ 2,5% đến 3% so với mức kinh phí được giao năm 2022. Sau khi phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 được Bộ Công Thương phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

(ii) Kinh phí các nhiệm vụ không thường xuyên:

Phân bổ cho các Quyết định phê duyệt các Đề án/Dự án trọng điểm cấp Quốc gia, cấp Bộ

2.3. Chi hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước

a) Kinh phí thương vụ: Phân bổ cho các nhiệm vụ với tổng kinh phí đã ghi chú tại Quyết định giao của Bộ Tài chính.

b) Kinh phí hoạt động của Tổng cục Quản lý thị trường: Phân bổ theo ghi chú tại Quyết định giao của Bộ Tài chính.

c) Kinh phí còn lại phân bổ:

(i) Kinh phí tự chủ:

- Bố trí quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương năm 2023 của cán bộ công chức các đơn vị quản lý hành chính của Bộ Công Thương tính theo mức lương 1.49 triệu đồng;

- Bố trí mức hưởng 40% lương thương vụ;

- Định mức chi thường xuyên năm 2023 tính trên biên chế được giao của các đơn vị và quyết định ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương năm 2023;

(ii) Kinh phí các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Phân bổ cho các nhiệm vụ đã được ghi chú tại Quyết định của Bộ Tài chính: Kinh phí đóng niên liễm; kinh phí xử lý các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam, điều tra chống bán phá giá và điều tra, xử lý các vụ việc tập trung kinh tế, miễn trừ thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; chi đoàn ra; chi đoàn vào; chi tổ chức hội nghị quốc tế; thuê trụ sở; kinh phí tinh giản biên chế; kinh phí hoạt động của các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; kinh phí hoạt động chống buôn lậu hàng giả, gian lận thương mại; kinh phí hỗ trợ lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí thực hiện các hoạt động theo cam kết gia nhập WTO; vốn đối ứng;...

- Số kinh phí còn lại phân bổ cho các nhiệm vụ và đề án được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2.4. Các hoạt động kinh tế

a. Vốn trong nước

(i) Kinh phí tự chủ

Tại thời điểm phân bổ dự toán, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị sự nghiệp lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi phê duyệt. Thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư số 78/2022/TT-BTC Bộ Công Thương tạm phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ giảm từ 2,5% đến 3% so với mức kinh phí được giao năm 2022. Sau khi phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 được Bộ Công Thương phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

(ii) Kinh phí không tự chủ

- Phân bổ cho các nhiệm vụ đã được ghi chú tại Quyết định của Bộ Tài chính: Chi nghiệp vụ dự trữ quốc gia; Chi điều tra cơ bản; vốn đối ứng dự án; chi hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, Chương trình khuyến công quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia.

- Chi xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư thường xuyên (bao gồm kinh phí hoạt động của các Trung tâm xúc tiến thương mại Việt Nam ở nước ngoài, các Văn phòng xúc tiến thương mại Việt Nam tại các địa phương của Trung Quốc); kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp; triển khai Hiệp định CPTPP, EVFTA; thực hiện tái cơ cấu ngành công thương; kinh phí tinh giản biên chế; chi thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;...

- Số kinh phí còn lại phân bổ cho các nhiệm vụ và đề án được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

b. Vốn ngoài nước

Phân bổ cho các dự án viện trợ không hoàn lại đã đủ cơ sở pháp lý như Hiệp định tài trợ, văn kiện dự án, dự toán hàng năm.

2.5. Chi sự nghiệp môi trường

- Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phân bổ cho các nhiệm vụ: bảo vệ môi trường và nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu do: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp và Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững làm đầu mối

2.6. Sự nghiệp văn hóa thông tin

Phân bổ cho nhiệm vụ đã được ghi chú tại Quyết định của Bộ Tài chính: Kinh phí thực hiện Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo 4.500 triệu đồng; kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm 500 triệu đồng.

2.7. Chi sự nghiệp y tế

(i) Kinh phí tự chủ

Tại thời điểm phân bổ dự toán, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng

phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị sự nghiệp lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi phê duyệt. Thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư số 78/2022/TT-BTC, Bộ Công Thương tạm phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ cơ Trung tâm Y tế và Môi trường Công Thương mức NSNN hỗ trợ năm 2022 đã được Bộ Công Thương phê duyệt phương án tự chủ. Sau khi phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 được Bộ Công Thương phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

(ii) Kinh phí không tự chủ: Phân bổ cho nhiệm vụ theo ghi chú tại quyết định giao của Bộ Tài chính: hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm.

2.8. Chương trình mục tiêu quốc gia

Phân bổ cho các lĩnh vực và các nhiệm vụ, dự án thành phần được phê duyệt tại chương trình mục tiêu quốc gia theo quyết định Bộ Công Thương phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí triển khai.

BỘ CÔNG THƯƠNG

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 014/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công Thương)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Báo Công Thương	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	Văn phòng Bộ Công Thương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương	Viện Công nghệ thực phẩm
1	2	3	4=5+6+...69	5	6	7	8	9	10	11
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí	5.613	5.613	-	-	300	-	-	-	-
1	Lệ phí		-							
2	Phí		5.613	-	-	300	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại									
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	4.396	4.396	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.217	1.217	-	-	300	-	-	-	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.797.602	3.797.602							
1	Chi quản lý hành chính	3.672.380	3.672.380							
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.035.810	2.035.810	-	25.187	216.397	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		1.382.764	-	3.745	118.295	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	229.190	653.046	-	21.442	98.102	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		229.190	-	-	190.415	-	-	20.556	3.288
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		190.415	-	-	190.415	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	89.300	89.300			89.300				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		101.115			101.115				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		38.775	-	-	-	-	-	20.556	3.288
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	491.360	491.360	-	-	34.410	9.373	12.439	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		264.277	-	-	-	-	11.000	-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		227.083	-	-	34.410	9.373	1.439	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Báo Công Thương	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	Văn phòng Bộ Công Thương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương	Viện Công nghiệp thực phẩm
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	13.080	13.080	-	-	5.780	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		7.300							
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		5.780			5.780				
5	Chi hoạt động kinh tế	879.890	879.890	5.900	200	208.077	2.000	-	12.500	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		16.361	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		863.529	5.900	200	208.077	2.000	-	12.500	-
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	18.050	18.050	750	-	4.700	-	-	800	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-							
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		18.050	750	-	4.700	-	-	800	-
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	5.000	5.000	3.700	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-							
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		5.000	3.700	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	60.730	60.730	-	-	-	-	-	-	-
I	Chi hoạt động kinh tế	60.730	60.730	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam		38.152							
1.1	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ		22.578							
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia	64.492	64.492	6.100	-	48.192	-	1.000	-	-
III	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		33.323	-	-	31.323	-	1.000	-	-
1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023		-							
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023		31.323			31.323				
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023		2.000	-	-	-	-	1.000	-	-
1.3	Chi hoạt động kinh tế		23.869	800	-	16.869	-	-	-	-
2										

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Báo Công Thương	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	Văn phòng Bộ Công Thương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương	Viện Công nghiệp thực phẩm
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023		13.869			13.869				
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023		-							
2.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023		10.000	800	-	3.000	-	-	-	-
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		7.300	5.300	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023		-							
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023		4.500	4.500						
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023		2.800	800	-	-	-	-	-	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá	Viện Khoa học và công nghệ Mô - Luyện kim	Viện nghiên cứu cơ khí	Viện Nghiên cứu Sản phẩm Thủy tinh Công nghiệp	Viện Nghiên cứu Dầu và cây có Dầu	Trung tâm Y tế Môi trường lao động Công thương	Viện nghiên cứu Da Giấy	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp
1	2	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lệ phí									
2	Phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước									
I	Nguồn ngân sách trong nước									
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2.305	3.748	-	1.042	3.270	-	1.042	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	2.305	3.748	-	1.042	3.270	-	1.042	-	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	28.290	20.250
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	11.300	11.500
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	16.990	8.750

Số TT	Nội dung	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá	Viện Khoa học và công nghệ Mô - Luyện kim	Viện nghiên cứu cơ khí	Viện Nghiên cứu Sản phẩm Thủy tinh Công nghiệp	Viện Nghiên cứu Dầu và cây có Dầu	Trung tâm Y tế Môi trường lao động Công thương	Viện nghiên cứu Da Giấy	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	7.300	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						7.300			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	Chi hoạt động kinh tế	-	2.500	-	-	-	-	3.100	-	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	2.500	-	-	-	-	-	-	-
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	1.000	-	-	-	-	3.100	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam									
1.2	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ									
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
1.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá	Viện Khoa học và công nghệ Mô - Luyện kim	Viện nghiên cứu cơ khí	Viện Nghiên cứu Sản phẩm Thuỷ tinh Công nghiệp	Viện Nghiên cứu Dầu và cây có Dầu	Trung tâm Y tế Môi trường lao động Công thương	Viện nghiên cứu Da Giấy	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp
	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung	Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	Trường Đại học công nghiệp Hồ Chí Minh	Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh	Trường Cao đẳng Công nghiệp Yên	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh
1	2	21	22	23	24	25	26	27	28	29
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lệ phí									
2	Phí									
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Nguồn ngân sách trong nước									
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.558	5.580	16.579	2.747	7.600	11.114	22.300	18.200	5.360
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.200	4.400	8.900	-	-	10.900	12.000	10.000	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.358	1.180	7.679	2.747	7.600	214	10.300	8.200	5.360

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Công nghiệp Việt-Hung	Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Trường Đại học công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	Chi hoạt động kinh tế	-	-	1.300	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	1.300	-	-	-	-	-	-
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam									
1.1	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ									
1.2	tài trợ									
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	400	500	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
1.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	400	500	-

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung	Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp	Trường Đại học công nghiệp Hồ Chí Minh	Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
2.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	400	500	-
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng	Trường Đại học Sao Đỏ	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng
1	2	30	31	32	33	34	35	36	37	38
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lệ phí									
2	Phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước									
I	Nguồn ngân sách trong nước									
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.530	20.337	12.530	16.500	17.000	29.620	10.074	17.520	4.656
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.400	11.477	8.000	10.100	11.200	20.400	9.200	11.000	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.130	8.860	4.530	6.400	5.800	9.220	874	6.520	4.656

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng	Trường Đại học Sao Đỏ	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	Chi hoạt động kinh tế	-	-	800	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	800	-	-	-	-	-	-
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam									
1.2	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ									
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	750	-	620	-	-	280	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	400	-	320	-	-	280	-
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
1.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	400	-	320	-	-	280	-
2	Chi hoạt động kinh tế	-	-	350	-	300	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng	Trường Đại học Sao Đỏ	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng
	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	350	-	300	-	-	-	-
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng Công thương miền trung	Trường Đại học Điện lực	Viện Năng lượng	Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Thương mại	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Công thương Trung ương	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại	
1	2	39	40	41	42	43	44	45	46	47
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lệ phí									
2	Phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại									
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Nguồn ngân sách trong nước									
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.300	2.450	-	15.850	6.900	22.170	9.100	22.100	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.800	-	-	10.700	6.200	7.000	9.100	14.600	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.500	2.450	-	5.150	700	15.170	-	7.500	-

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng Công thương miền trung	Trường Đại học Điện lực	Viện Năng lượng	Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Thương mại	Trường Cao đẳng Thương mại	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Công thương Trung ương	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	2.000	-	20.151
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	7.524
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	2.000	-	12.627
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	2.500	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	2.500	-	-	-	-	-	-
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam									
1.1	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ									
1.2	tài trợ									
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	980	-	-	-	300	500
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023									
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023									
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	980	-	-	-	300	500

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng Công thương miền trung	Trường Đại học Điện lực	Viện Năng lượng	Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Thương mại	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Công thương Trung ương	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
2.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	980	-	-	300	500
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Công thương	Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulo	Trường Cao đẳng Công thương Phú thọ	Tạp chí Công Thương	Nhà xuất bản Công thương	Cục Xúc tiến thương mại	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp
1	2	48	49	50	51	52	53	54	55
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	550
1	Lệ phí								
2	Phí	-	-	-	-	-	-	-	550
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	495
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	55
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
I	Nguồn ngân sách trong nước								
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	13.787	8.341
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	11.587	7.841
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	2.200	500
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ								
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.863	12.310	-	9.750	-	-	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.500	7.100	-	5.300	-	-	-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	363	5.210	-	4.450	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Công thương	Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulo	Trường Cao đẳng Công thương Phú thọ	Tạp chí Công Thương	Nhà xuất bản Công thương	Cục Xúc tiến thương mại	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
5	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	1.500	1.351	178.409	1.550
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	476	2.209	550
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	1.500	875	176.200	1.000
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-	600	-	800	6.900
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	600	-	800	6.900
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	800	500	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	800	500	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam								
1.2	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ								
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	1.600	-	700	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
1.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	1.200	-	500	-

Số TT	Nội dung	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Công thương	Viện Công nghệ Giấy và Xenluyô	Trường Cao đẳng Công thương Phú thọ	Tạp chí Công Thương	Nhà xuất bản Công thương	Cục Xúc tiến thương mại	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp
	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	1.200	-	500	-
2.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	-	-	-	-	400	-	200	-
3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	400	-	200	-
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	400	-	200	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Cục Điều tiết điện lực	Cục Hóa chất	Tổng Cục Quản lý thị Trường	Kinh phí thương vụ	Cục Xuất Nhập khẩu	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
1	2	56	57	58	59	60	61	62	63
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí	-	1.755	1.800	-	-	-	-	881
1	Lệ phí								
2	Phí	-	1.755	1.800	-	-	-	-	881
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	1.498	1.620	-	-	-	-	558
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	257	180	-	-	-	-	323
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
I	Nguồn ngân sách trong nước								
1	Chi quản lý hành chính	9.904	11.094	7.999	1.320.000	336.115	15.641	-	11.012
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.204	10.694	5.679	926.625	236.390	12.991	-	9.162
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.700	400	2.320	393.375	99.725	2.650	-	1.850
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	2.024	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ								
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng								
2.2	năng								
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	2.024	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề								
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Cục Điều tiết điện lực	Cục Hóa chất	Tổng Cục Quản lý thị Trường	Kinh phí thương vụ	Cục Xuất Nhập khẩu	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
5	Chi hoạt động kinh tế	97.725	1.967	4.786	-	-	3.800	-	2.595
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.825	467	336	-	-	-	-	395
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	95.900	1.500	4.450	-	-	3.800	-	2.200
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam								
1.2	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ								
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.400	-	-	-	-	-	-	-
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
1.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi hoạt động kinh tế	1.000	-	-	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Cục Điều tiết điện lực	Cục Hóa chất	Tổng Cục Quản lý thị Trường	Kinh phí thương vụ	Cục Xuất Nhập khẩu	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
2.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	1.000	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	400	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
3.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	400	-	-	-	-	-	-	-

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số TT	Nội dung	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	Cục Công thương địa phương	Cục Phòng vệ thương mại	Cục Công nghiệp	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Hàn và xử lý bề mặt	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Điện Cao áp	BQLDA Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam	BQLDA Chính sách thương mại và xúc tiến xuất khẩu cho Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ
1	2	64	65	66	67	68	69		
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí	250	-	-	77				
1	Lệ phí								
2	Phí	250	-	-	77				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	225	-	-	-				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	25	-	-	77				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
I	Nguồn ngân sách trong nước								
1	Chi quân lý hành chính	20.029	8.281	23.547	8.476				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.969	7.581	7.617	8.384				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.060	700	15.930	92	-	-		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ								
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-	-	570	930		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-		

Số TT	Nội dung	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	Cục Công thương địa phương	Cục Phòng vệ thương mại	Cục Công nghiệp	Phòng Thí nghiệm điểm Công nghệ Hàn và xử lý bề mặt	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Điện Cao áp	BQLDA Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam	BQLDA Chính sách thương mại và xúc tiến xuất khẩu cho Việt Nam do Chính phủ Thủy Sản tài trợ
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
5	Chi hoạt động kinh tế	11.000	144.168	19.511	153.000				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	500	1.468	611					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.500	142.700	18.900	153.000				
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường								
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-				
1	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-			38.152	22.578
1.1	Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam	-	-	-	-			38.152	22.578
1.2	xuất khẩu Việt Nam do Chính phủ Thủy Sản tài trợ							38.152	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	1.170	-	-				22.578
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-			-	-
1.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023							-	-
1.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
1.3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	-	-	-			-	-
2	Chi hoạt động kinh tế	-	170	-	-			-	-

Số TT	Nội dung	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	Cục Công thương địa phương	Cục Phòng vệ thương mại	Cục Công nghiệp	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Hàn và xử lý bề mặt	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Điện Cao áp	BQLDA Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam	BQLDA Chính sách thương mại và xúc tiến xuất khẩu cho Việt Nam do Chính phủ Thụỵ Sĩ tài trợ
	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
2.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	170	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	1.000	-	-	-	-	-	-
3	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023								
3.1	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023								
3.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	-	1.000	-	-	-	-	-	-
3.3									